

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09-02-2026

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Tô Hùng Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng X - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 32/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau. Số CCCD: 095189010705 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 12/8/2021.

- *Bị đơn:* Anh **Lê Hoàng C1**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau. Số CCCD: 091087016483 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/8/2021.

(Chị C, anh C1 đều có đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2006 chị C và anh C1 xây dựng hôn nhân, đến ngày 02/7/2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Cà Mau).

Về con chung: Có hai người con chung là cháu Lê Trúc M, sinh ngày 22/4/2007, đã trưởng thành, đang học đại học ở T, Hồ Chí Minh. Con thứ hai tên Lê Hoàng D, sinh ngày 01/7/2015, hiện đang học lớp 5, đang sống cùng ông C1 tại ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau.

Quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn khoảng một năm nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh C1 không chăm lo gia đình, không phụ kinh tế gia đình, bất đồng quan điểm, thường xuyên gầy cãi. Hiện chị C không còn tình cảm và không còn sống chung với anh C1. Về tài sản chung: Có 08 công đất ruộng do chị C đứng tên, 01 căn nhà

cấp 4, tọa lạc ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau. Phần tài sản chung chị C với anh C1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Nay chị C yêu cầu ly hôn với anh C1. Về con chung: Chị C yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng cháu D, nếu cháu D theo chị C thì chị C nuôi, không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng.

Về phía bị đơn anh Lê Hoàng C1 trình bày: Anh C1 thống nhất lời trình bày của chị C về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Theo anh C1 trong quá trình chung sống vợ chồng không mâu thuẫn. Chị C đi làm thuê tại quán N ở Phường B gần 10 năm nay, đi làm vẫn về nhà. Cách đây khoảng 20 ngày thì chị C về nhà đòi ly hôn với anh C1, phía anh C1 có khuyên ngăn nhưng chị C vẫn kiên quyết ly hôn. Hiện chị C không về nhà khoảng hơn 01 tháng nay, qua tìm hiểu được biết chị C có quan hệ tình cảm với một người phụ nữ chung nhà trọ. Nay chị C yêu cầu ly hôn, anh C1 không đồng ý vì anh C1 còn thương vợ. Trường hợp có căn cứ cho ly hôn, anh C1 yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng cháu D (hiện cháu D đang sống chung với anh C1), nếu cháu D theo anh C1 thì anh C1 đồng ý nuôi và không yêu cầu chị C cấp dưỡng; riêng cháu M đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh C1. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 01/7/2015 cho anh C1 tiếp tục nuôi dạy, do anh C1 không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét; tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Ngày 07 tháng 01 năm 2026, chị Nguyễn Thị C nộp đơn khởi kiện trực tiếp cho Tòa án yêu cầu ly hôn đối với anh Lê Hoàng C1, cư trú ấp H, xã H, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, chị C và anh C1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt anh C1 và chị C theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị C và anh C1 tự nguyện chung sống vào năm 2006 và đến năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ủy ban nhân dân H, tỉnh Cà Mau) và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 377, ngày 02 tháng 7 năm 2007 nên hôn nhân giữa chị C và anh C1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3]. Chị C xác định trong thời gian chung sống, chị C và anh C1 có phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, từ đó không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đã ly thân

khoảng 01 năm nay. Phía anh C1 xác định, quá trình chung sống, vợ chồng không có mâu thuẫn, chị C đi làm và cách đây khoảng 20 ngày không về nhà, đã dọn ra ngoài ở trọ và về đòi ly hôn với anh. Theo anh C1, chị C và anh C1 đã ly thân khoảng hơn một tháng nay. Do anh C1 còn thương chị C nên không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng phải biết yêu thương, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Hôn nhân giữa chị C và anh C1 không còn hạnh phúc, bởi chị C xác định không còn tình cảm với anh C1, mục đích hôn nhân không đạt được, chị C đã dọn ra ngoài ở, thực tế chị C và anh C1 đã ly thân. Điều này phù hợp lời khai anh C1 và T áp H đều xác định chị C và anh C1 không còn sống chung với nhau. Do đó, chị C yêu cầu được ly hôn với anh C1 là có căn cứ, phù hợp với quy định Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh C1.

[4]. Về con chung: Chị C và anh C1 thống nhất xác định có hai người con chung là cháu Lê Trúc M, sinh ngày 22/4/2007, đã trưởng thành, đang học đại học ở T, Hồ Chí Minh. Con thứ hai tên Lê Hoàng D, sinh ngày 01/7/2015, hiện cháu D đang sống cùng anh C1. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con cho ai nuôi phải xem xét toàn diện về điều kiện vật chất và tinh thần đảm bảo cho sự phát triển của con chưa thành niên. Để đảm bảo việc ăn ở, học hành cần tiếp tục giao cháu D cho anh C1 nuôi dạy. Điều này phù hợp với nguyện vọng của cháu D, phù hợp với ý kiến của chị C và anh C1 tôn trọng nguyện vọng của cháu D.

Về cấp dưỡng: Do anh C1 không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị C và anh C1 tài sản chung tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về nợ chung: Chị C và anh C1 xác định không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị C phải chịu 300.000 đồng, chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000617 ngày 16 tháng 01 năm 2026 được chuyển thu án phí.

[8]. Từ những phân tích trên cần chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị C đối với anh Lê Hoàng C1.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Hoàng D, sinh ngày 01/7/2015 cho anh C1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục. Hiện cháu D đang sống cùng anh C1. Riêng cháu Lê Trúc M sinh ngày 22/4/2007 đã trưởng thành và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình: Chị C phải chịu 300.000 đồng, chị C đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000617 ngày 16 tháng 01 năm 2026 được chuyển thu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi